

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HS-ST

Ngày 17-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Nghiêm;

Ông Nguyễn Quốc Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Phan Đức N, tên gọi khác: Không, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1992 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn K và bà Lăng Thị T; có vợ: Hoàng Thị L (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý kỷ luật. Ngày 26-01-2014 bị Công an thành phố M, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy (chấp hành xong ngày 07-02-2014); Tại Bản án số: 07/HS-ST ngày 27-3-2015 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ (chấp hành xong bản án ngày 30-10-2015); Tại Bản án số: 42/HS-ST ngày 30-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong bản án ngày 18-7-2018); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30-3-2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Đức N: Bà Bạch Ánh T - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn.

2. Mã Văn D, tên gọi khác: Không, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1998 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mã Văn M và bà Nông Thị K; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Tại Quyết định số: 08/2018/QĐ-BPXLHC ngày 26-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian chấp hành là 18 tháng, bị cáo đã chấp hành xong quyết định kể từ ngày 27-12-2019 nhưng chưa được xóa; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30-3-2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Đỗ Văn B, tên gọi khác: Không, sinh ngày 25 tháng 8 năm 1989 tại huyện G, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn L và bà Hà Thị L; có vợ là Hoàng Thị H, sinh năm 1996 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số: 279/HS-ST ngày 16-12-2014 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (chấp hành xong bản án ngày 03-02-2016), chưa bị xử lý kỷ luật, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02-4-2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị hại:* Hợp tác xã khai H; địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Văn N - Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Dương Văn L, sinh năm 1966; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Đức N là đối tượng nghiện ma túy. Do biết Hợp tác xã khai H ở gần cầu A, thuộc thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã dừng hoạt động, máy biến áp lắp đặt nhưng chưa đấu nối với đường điện cao thế và không có người trông coi nên Phan Đức N đã rủ các đối tượng nghiện khác đến trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, cụ thể:

Tối ngày 02-3-2021, Phan Đức N gặp Đỗ Văn B ở thị trấn K, huyện G, tỉnh Bắc Giang, Phan Đức N rủ Đỗ Văn B đi trộm cắp tài sản của Hợp tác xã H, Đỗ Văn B đồng ý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Phan Đức N mang theo 01 cò lê 14, 01 cò lê 12, 01 mỏ lết, 01 kìm cắt cây và bao tải rồi cả hai đi bằng xe mô tô của Đỗ Văn B đến Hợp tác xã H để trộm cắp tài sản. Đến nơi phát hiện trong

nhà xưởng có 01 máy biến áp điện nhãn hiệu MIBA để dưới nền nhà xưởng, Phan Đức N dùng cờ lê, mỏ lết mang theo tháo các ốc của máy biến áp rồi cùng Đỗ Văn B lấy các lá thép bên trong máy cùng mang xuống thị trấn K, huyện G, tỉnh Bắc Giang bán cho ông Dương Văn L làm nghề thu mua phế liệu được hơn 1.000.000 đồng rồi cùng nhau ăn tiêu hết.

Đến khoảng 04 giờ ngày 03-3-2021, Phan Đức N lại rủ Đỗ Văn B quay lại Hợp tác xã H để trộm cắp tài sản, đến nơi Đỗ Văn B ở ngoài cảnh giới, còn Phan Đức N đi vào chỗ máy biến áp đã trộm lá thép nói trên dùng kìm cắt lấy 03 cuộn dây đồng ở bên trong máy biến áp, cho vào 02 bao tải dứa. Trong khi Phan Đức N đang cắt dây đồng, Đỗ Văn B phát hiện có người đến, sợ bị phát hiện Đỗ Văn B đã điều khiển xe mô tô đi về thị trấn K, huyện G, tỉnh Bắc Giang. Còn Phan Đức N sau khi cho 03 cuộn dây đồng vào bao xong không thấy Đỗ Văn B nên Phan Đức N đi xe khách xuống thị trấn K, huyện G, tỉnh Bắc Giang tìm gặp Đỗ Văn B nói đã trộm được đồ rồi cả hai cùng đi xe mô tô quay lại cho 02 bao tải đựng dây đồng lên xe mô tô sau đó đem đi bán cho anh Dương Văn L được 11.180.000 đồng, Phan Đức N chia cho Đỗ Văn B 3.000.000 đồng và mua cho Đỗ Văn B một chiếc xe mô tô hết 800.000 đồng, số tiền còn lại Phan Đức N sử dụng cá nhân hết.

Khoảng 15 ngày sau, Phan Đức N phát hiện thấy máy biến áp điện nhãn hiệu EMH của Hợp tác xã H lắp trên cột điện ở khu vực chân cầu A không đầu nối với đường điện cao thế nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Đến đêm Phan Đức N mang theo cờ lê, mỏ lết đến trèo lên cột điện chỗ lắp máy biến áp tháo các ốc lắp đặt máy và tháo ốc xả dầu trong máy biến áp đi, khi tháo xong thì trời sáng nên đi về.

Đến ngày 22-3-2021, Phan Đức N gặp Mã Văn D, ở thị trấn K, huyện G, tỉnh Bắc Giang, thấy Mã Văn D có xe mô tô nên Phan Đức N rủ Mã Văn D đi trộm cắp máy biến áp, Mã Văn D đồng ý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày Phan Đức N mang theo cờ lê, mỏ lết, kìm, dao và dây vải rồi cùng Mã Văn D đi xe mô tô của Mã Văn D đến chỗ máy biến áp EMH nói trên, dùng dao chặt cây chuối ở gần đó xếp dưới đất cạnh chân cột điện để khi kéo máy biến áp rơi sẽ giảm tiếng động, Phan Đức N trèo lên chỗ máy biến áp dùng dây vải buộc vào máy biến áp sau đó lợi dụng khi có xe ô tô đi qua cầu, Phan Đức N và Mã Văn D cùng nhau kéo làm cho máy biến áp rơi xuống chỗ cây chuối để tránh bị phát hiện, rồi Phan Đức N và Mã Văn D dùng kìm cắt lấy 03 cuộn dây đồng trong máy biến áp cho vào 02 bao tải. Phan Đức N một mình chở bao tải đựng hai cuộn dây đồng đến cửa hàng thu mua phế liệu của ông Dương Văn L rồi quay lại đón Mã Văn D và lấy bao tải đựng cuộn dây đồng còn lại, khi gần đến nhà ông Dương Văn L thì xe mô tô của Mã Văn D bị hỏng nên Mã Văn D mang xe đi sửa, còn Phan Đức N tự mang bao đựng cuộn dây đồng đến nhà ông Dương Văn L bán cả 03 cuộn dây đồng được 10.400.000 đồng, sau khi bán xong Phan Đức N đi tìm gặp Mã Văn D nói đã bán được 1.000.000 đồng, Phan Đức N không chia cho Mã Văn D mà cùng nhau ăn tiêu hết.

Tối ngày 29-3-2021, Phan Đức N rủ Mã Văn D đến khu vực nhà xưởng của Hợp tác xã H trộm cắp tài sản, Mã Văn D đồng ý. Phan Đức N mang theo 01 chiếc cửa sắt rồi sử dụng xe mô tô BKS 98F8 - 9695 của mình chở Mã Văn D từ thị trấn K, huyện G, tỉnh Bắc Giang đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì đến khu vực nhà xưởng của Hợp tác xã H. Cả hai đi xuống khu vực lò vôi thì phát hiện có người nên Phan Đức N lại điều khiển xe chở Mã Văn D đi quanh khu vực thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Đến khoảng 00 giờ ngày 30-3-2021, Phan Đức N lại chở Mã Văn D vào khu vực lò vôi dựng xe ở đó rồi Phan Đức N cầm theo cửa sắt đến cột điện ở khu vực bãi cát gần chân cầu A trèo lên cột tháo dây cáp điện xuống rồi đi vào khu vực chân cầu A, Phan Đức N dùng tay với lấy dây cáp điện kéo xuống dùng cửa sắt đứt sau đó cùng Mã Văn D vào cột điện đặt trạm biến áp, Phan Đức N đưa cửa sắt cho Mã Văn D trèo lên chỗ máy biến áp cắt dây cáp điện xuống, sau đó cùng nhau cuộn dây lại, do dây dài N và D cắt ra thành 03 cuộn rồi mỗi người ôm một cuộn ra chỗ để xe mô tô, khi N quay lại lấy cuộn còn lại thì bị tổ công tác Công an huyện H phát hiện bắt quả tang, thu giữ 03 cuộn dây cáp điện loại cáp nhôm vện xoắn nhãn hiệu CADI YEN VIEN 4.70mm² có tổng chiều dài 78m cùng chiếc xe mô tô và cửa sắt.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 21/KL-HĐĐGTS ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn kết luận 78m (bảy mươi tám mét) dây cáp nhôm vện xoắn CADI YEN VIEN 4 x 70 mm² có giá là 4.212.000 đồng (bốn triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 22/KL-HĐĐGTS ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn kết luận: 01 (một) máy biến áp điện lực nhãn hiệu MIBA, máy biến áp số 0906-336 có công suất 100 kVA, cấp điện áp 10/0,4KV, tần số 50Hz, tổ đấu dây Y/yo-12 có giá là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng); 01 (một) máy biến áp điện lực nhãn hiệu EMH, loại BAD 320-10-35/0,4; số máy 0115312; công suất 320 kVA 3 pha, tần số 50Hz, tổ đấu dây Y/yo-11-12 Uk% 4,50-4,45; làm mát ONAN, có giá là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng);

Cáo trạng số: 37/CT-VKS ngày 05-5-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo Phan Đức N, Mã Văn D bị truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Đỗ Văn B bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về vật chứng của vụ án gồm: 78m dây cáp điện loại cáp nhôm vện xoắn ABC, nhãn hiệu Cadiyenvien; 01 vỏ máy biến áp điện lực nhãn hiệu MIBA máy biến áp số 0906-336 có công suất 100 kVA, cấp điện áp 10/0,4KV, tần số 50Hz, tổ đấu dây Y/yo-12; 01 vỏ máy biến áp điện lực nhãn hiệu EMH, loại BAD 320-10-35/0,4; số máy 0115312; công suất 320 kVA 3 pha, tần số 50Hz, tổ đấu dây Y/yo-11-12 Uk% 4,50-4,45; làm mát ONAN; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu

Xphone số Imai: 952308 lắp sim số thuê bao 0962527293 (máy cũ đã qua sử dụng); tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream; số khung: NJ10020006015; số máy: LC1521-MG-A00428574 (xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết máy bên trong); tịch thu tiêu hủy 01 (một) cửa sắt cầm tay màu đỏ, dài 45cm, lưỡi màu đen dài 30cm; 01 (một) cờ lê 14 bằng kim loại; 01 (một) cờ lê 12 bằng kim loại; 01 (một) kìm bằng kim loại (loại kìm cắt cây); 05 (năm) sợi dây vải màu trắng đục bị vắn bản lần lượt có kích thước: dây 01 có kích thước (58 x 05 x 0,3)cm, dây 02 có kích thước (165 x 05 x 0,3)cm, dây 03 có kích thước (305 x 05 x 0,3)cm, dây 04 có kích thước (106 x 05 x 0,3)cm, dây 05 có kích thước (19 x 05)cm; 01 (một) mỏ lết có kích thước 20 x 1,7cm, đầu mỏ lết rộng 05cm; 01 (một) con dao có chuôi gỗ phần lưỡi dao đã han rỉ có tổng chiều dài 40cm, phần lưỡi dao có chiều dài 21cm bản rộng 07cm.

Tại phiên tòa các bị cáo Phan Đức N, Mã Văn D, Đỗ Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Đối với ông Dương Văn L vắng mặt tại phiên tòa, tại bản khai ông trình bày: Ông là người thu mua phế liệu thấy Phan Đức N mang thép và dây đồng đến bán thì mua. Ông không biết tài sản Phan Đức N bán cho ông là do trộm cắp mà có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố bị các cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Đức N, Mã Văn D, Đỗ Văn B phạm tội Trộm cắp tài sản. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38; 50; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phan Đức N, Mã Văn D. Xử phạt bị cáo Phan Đức N mức án từ 04 (bốn) năm tù đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Mã Văn D từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38; 50; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đỗ Văn B, xử phạt bị cáo từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù; các bị cáo nghiện ma túy, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung vào ngân sách 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream; số khung: NJ10020006015; số máy: LC1521-MG-A00428574 thu giữ của Phan Đức N là phương tiện sử dụng đi thực hiện hành vi phạm tội; tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cửa sắt cầm tay màu đỏ, dài 45cm, lưỡi màu đen dài 30cm; 01 (một) cờ lê 14 bằng kim loại; 01 (một) cờ lê 12 bằng kim loại; 01 (một) kìm bằng kim loại (loại kìm cắt cây); 05 (năm) sợi dây vải màu trắng đục bị vắn bản lần lượt có kích thước: dây 01 có kích thước (58 x 05 x 0,3) cm, dây 02 có kích thước (165 x 05 x 0,3) cm, dây 03 có kích thước (305 x 05 x 0,3) cm, dây 04 có kích thước (106 x 05 x 0,3) cm, dây 05 có kích thước (19 x 05) cm; 01 (một) mỏ lết có kích thước 20 x 1,7cm, đầu mỏ lết rộng 05cm; 01 (một) con dao có chuôi gỗ phần lưỡi dao đã han rỉ có tổng chiều dài 40cm, phần lưỡi dao có chiều dài 21cm bản rộng 07cm là những công cụ sử dụng vào hành vi phạm tội không có giá trị sử dụng; xác nhận cơ quan

điều tra đã trả: 01 vỏ máy biến áp điện lực nhãn hiệu MIBA; 01 vỏ máy biến áp điện lực nhãn hiệu EMH; 78m dây cáp điện loại cáp điện nhãn hiệu Cadienvien cho ông Lương Văn N đại diện hợp pháp của bị hại; trả cho bị cáo Phan Đức N 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Xphone số Imai: 952308 lắp sim số thuê bao 0962527293 vì không liên quan đến hành vi phạm tội; về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586; 587; và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại là Hợp tác xã H cụ thể: Bị cáo Phan Đức N và Mã Văn D phải bồi thường trị giá của chiếc máy biến áp điện nhãn hiệu EMH theo định giá là 65.000.000 đồng và 78m dây cáp điện theo định giá là 4.212.000 đồng, tổng số tiền phải bồi thường là 69.212.000 đồng; bị cáo Phan Đức N và Đỗ Văn B phải bồi thường trị giá của chiếc máy biến áp điện nhãn hiệu MIBA theo định giá là 12.000.000 đồng. Về án phí lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Đức N: Bà Bạch Ánh T, luật sư phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo thuộc dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, bị hại cũng có một phần lỗi là không quản lý tài sản của mình, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; 50; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát là 04 (bốn) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về bồi thường dân sự, bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại. Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo 01 điện thoại do không sử dụng vào việc phạm tội, đối với 01 xe mô tô của bị cáo dùng vào việc phạm tội tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước, các vật chứng khác dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Về án phí dân sự sơ thẩm bị cáo được miễn án phí do bị cáo thuộc dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phan Đức N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 do bị cáo thuộc dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn và bị hại cũng có một phần lỗi là không quản lý tài sản của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tranh luận: Người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đại diện Viện kiểm sát không nhất trí với lý do bị cáo hiện đã học hết lớp 12, tuy có hộ khẩu thường trú tại xã có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn nhưng bị cáo không trực tiếp thường xuyên cư trú tại đây, nhân thân bị cáo đã bị Tòa án xét xử đã có 02 tiền án (đã được xóa án tích), vì vậy không có căn cứ chấp nhận ý kiến của người bào chữa.

Lời nói sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo cải tạo tốt, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc vắng mặt của người làm chứng ông Dương Văn L hồ sơ thể hiện đã có lời khai, xét thấy việc vắng mặt ông Dương Văn L không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ căn cứ xác định: Từ ngày 02-3-2021 đến ngày 30-3-2021, Phan Đức N đã cùng Mã Văn D thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản và cùng Đỗ Văn B thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản của Hợp tác xã H ở thôn N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể: Từ khoảng 21 giờ, ngày 02-3-2021 đến khoảng 04 giờ ngày 03-3-2021, Phan Đức N và Đỗ Văn B trộm cắp thép và dây đồng của máy biến áp nhãn hiệu MIBA có giá trị là 12.000.000 đồng đem xuống thị trấn K, huyện G, tỉnh Bắc Giang bán cho Dương Văn L được 12.180.000 đồng, chia nhau sử dụng cá nhân hết. Khoảng 21 giờ ngày 22-3-2021, Phan Đức N cùng Mã Văn D đến tháo máy biến áp nhãn hiệu EMH có giá trị 65.000.000 đồng đang lắp đặt trên cột điện xuống tháo lấy các cuộn dây đồng rồi đem đi bán cho Dương Văn L được 10.400.000 đồng, chia nhau sử dụng cá nhân hết. Khoảng 00 giờ ngày 30-3-2021, Phan Đức N cùng Mã Văn D trộm cắp 78m dây cáp nhôm vặn xoắn nhãn hiệu CADI YEN VIEN có giá trị 4.212.000 đồng thì bị Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Tổng giá trị tài sản Phan Đức N trộm cắp cùng Mã Văn D và Đỗ Văn B là 81.212.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản, các bị cáo Phan Đức N, Mã Văn D bị truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 173; bị cáo Đỗ Văn B bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn có cơ sở. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy: Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đủ độ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bản thân các bị cáo đều là người nghiện ma túy, lười lao động muốn hưởng thụ, để có tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân các bị cáo đã phạm tội Trộm

cấp tài sản, các bị cáo đều nhận thức được hành vi Trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ nhu cầu tiêu sài của bản thân. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy cần phải xử lý nghiêm, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và tuyên truyền, giáo dục, răn đe những ai có ý định thực hiện hành vi tương tự. Tuy nhiên, cũng cần phải cân nhắc, xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo tốt.

[5] Để cá thể hóa hình phạt, có mức án thỏa đáng đối với các bị cáo cần phải xem xét vai trò, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể. Trong vụ án này bị cáo Phan Đức N là người có vai trò tích cực nhất, bị cáo đã khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, rủ rê các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản; các bị cáo Mã Văn D, Đỗ Văn B đều tích cực hưởng ứng tham gia Trộm cắp tài sản. Bị cáo Phan Đức N đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng bị cáo Mã Văn D 02 (hai) lần, các lần trộm cắp đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Bị cáo Đỗ Văn B cùng với Phan Đức N trộm cắp 02 lần, lần thứ nhất trộm cắp không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, lần thứ hai trộm cắp đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Tổng số tài sản các bị cáo trộm cắp có giá trị tương đối lớn 81.212.000 đồng. Trong đó, bị cáo Phan Đức N trộm cắp cùng Mã Văn D 69.212.000 đồng; bị cáo Phan Đức N trộm cắp cùng Đỗ Văn B 12.000.000 đồng.

[6] Xét về nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều nghiện ma túy, có nhân thân không tốt. Bị cáo Phan Đức N: Ngày 26-01-2014 bị Công an thành phố M, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy (chấp hành xong ngày 07-02-2014). Tại Bản án số: 07/2015/HS-ST ngày 27-3-2015 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ (chấp hành xong ngày 31-7-2015). Tại Bản án số: 42/2017/HS-ST ngày 30-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong ngày 18-7-2018); bị cáo Mã Văn D có 01 tiền sự tại Quyết định số: 08/2018/QĐ-BPXLHC ngày 26-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang quyết định Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian chấp hành là 18 tháng, bị cáo đã chấp hành xong quyết định kể từ ngày 27-12-2019 nhưng chưa được xóa; đối với bị cáo Đỗ Văn B tại Bản án số: 279/HS-ST ngày 16-12-2014 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (chấp hành xong ngày 03-02-2016), bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên theo hướng dẫn của Tòa án tối cao và quy định của pháp luật thì bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Đức N, Mã Văn D có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Phan Đức N thuộc dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo Mã Văn D thuộc hộ nghèo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo Đỗ Văn B tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện các bị cáo đều nghiện chất ma túy, không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Đối với ông Dương Văn L là người thu mua phế liệu, quá trình điều tra Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã làm rõ ông Dương Văn L không biết tài sản do Phan Đức N bán cho ông là do bị cáo thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Dương Văn L là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Theo quy định tại khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; các Điều 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại. Tại phiên tòa các bị cáo, bị hại đã thống nhất thỏa thuận được mức bồi thường dân sự với tổng số tiền 81.212.000 đồng, xét thấy việc thỏa thuận bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử ghi nhận, cụ thể như sau: Bị cáo Phan Đức N phải bồi thường cho bị hại số tiền là: 40.606.000 đồng; bị cáo Mã Văn D phải bồi thường cho bị hại số tiền là: 34.606.000 đồng và bị cáo Đỗ Văn B phải bồi thường cho bị hại số tiền là: 6.000.000 đồng. Trường hợp chậm trả thì các bị cáo còn phải trả lãi theo quy định của pháp luật.

[11] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1, 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xác nhận ngày 27-4-2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã trả lại tài sản cho Hợp tác xã H gồm: 78m dây cáp điện loại cáp nhôm vắn xoắn ABC, nhãn hiệu Cadiyenvien; 01 vỏ máy biến áp điện lực nhãn hiệu; 01 vỏ máy biến áp điện lực nhãn hiệu EMH là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đen, số IMEI: 952308, đã qua sử dụng, gắn sim 0962527293 xét thấy không liên quan đến việc phạm tội cần tuyên trả lại cho bị cáo Phan Đức N (nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án). Đối với 01 (một) xe mô tô, vỏ xe nhãn hiệu Dream, số khung: NJ10020006015, số máy: LC1521-MG-1-A00428574 là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước. Đối với 01 (một) cửa

sắt cầm tay màu đỏ, dài 45cm, lưỡi màu đen dài 30cm; 01 (một) cò lê 14 bằng kim loại; 01 (một) cò lê 12 bằng kim loại; 01 (một) kìm bằng kim loại (loại kìm cắt cây); 05 (năm) sợi dây vải màu trắng đục bị vắn bản lần lượt có kích thước: dây 01 có kích thước (58 x 05 x 0,3)cm, dây 02 có kích thước (165 x 05 x 0,3)cm, dây 03 có kích thước (305 x 05 x 0,3)cm, dây 04 có kích thước (106 x 05 x 0,3)cm, dây 05 có kích thước (19 x 05)cm; 01 (một) mỏ lết có kích thước 20 x 1,7cm, đầu mỏ lết rộng 05cm; 01 (một) con dao có chuôi gỗ phần lưỡi dao đã han rỉ có tổng chiều dài 40cm, phần lưỡi dao có chiều dài 21cm bản rộng 07cm đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với 02 chiếc xe mô tô của bị cáo Đỗ Văn B, 01 chiếc xe mô tô của bị cáo Mã Văn D đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên các bị cáo đã bán những chiếc xe này cho người không biết họ tên, địa chỉ, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn không có cơ sở xác minh làm rõ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Phan Đức N đưa ra mức hình phạt, xử lý vật chứng là phù hợp với quy định, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ bị hại cũng có một phần lỗi là không quản lý tài sản của mình là không có căn cứ chấp nhận.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo về mức án và các nội dung khác là phù hợp với nhận định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho Phan Đức N thuộc dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo Mã Văn D thuộc hộ nghèo là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

[14] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo bị kết án mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước. Bị cáo Đỗ Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách nhà nước. Bị cáo Phan Đức N thuộc dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo Mã Văn D thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; 50; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Phan Đức N, Mã Văn D.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; 50; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đỗ Văn B;

Căn cứ điểm a khoản 1, 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 293; Điều 331, 333 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; căn cứ Điều 357; Điều 468; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 587; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Đức N, Mã Văn D, Đỗ Văn B phạm tội *Trộm cắp tài sản*.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Phan Đức N 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 30-3-2021.

2.2. Xử phạt bị cáo Mã Văn D 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 30-3-2021.

2.3. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn B 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 02-4-2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

3. Về bồi thường dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Phan Đức N, Mã Văn D, Đỗ Văn B và người đại diện theo pháp luật của bị hại ông Lương Văn N. Bị cáo Phan Đức N, Mã Văn D, Đỗ Văn B phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Hợp tác xã H, người đại diện theo pháp luật ông Lương Văn N tổng số tiền 81.212.000 đồng (tám mươi một triệu hai trăm mười hai nghìn đồng). Trong đó, bị cáo Phan Đức N phải bồi thường 40.606.000 đồng (bốn mươi triệu sáu trăm linh sáu nghìn đồng); bị cáo Mã Văn D phải bồi thường 34.606.000 đồng (ba mươi tư triệu sáu trăm linh sáu nghìn đồng) và bị cáo Đỗ Văn B phải bồi thường 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng:

4.1. Tuyên trả lại cho bị cáo Phan Đức N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đen, số IMEI: 952308, đã qua sử dụng, gắn sim 0962527293 (nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án).

4.2. Tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô, vỏ xe nhãn hiệu Dream, số khung: NJ10020006015, số máy: LC1521-MG-1-A00428574 (xe cũ đã qua sử dụng).

4.3. Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cửa sắt cầm tay màu đỏ, dài 45cm, lưỡi màu đen dài 30cm; 01 (một) cờ lê 14 bằng kim loại; 01 (một) cờ lê 12 bằng kim loại; 01 (một) kìm bằng kim loại (loại kìm cắt cây); 05 (năm) sợi dây vải màu trắng đục bị vắn bản lần lượt có kích thước: dây 01 có kích thước (58 x 05 x 0,3) cm, dây 02 có kích thước (165 x 05 x 0,3) cm, dây 03 có kích thước (305 x 05 x 0,3) cm, dây 04 có kích thước (106 x 05 x 0,3) cm, dây 05 có kích thước (19 x 05) cm; 01 (một) mỏ lết có kích thước 20 x 1,7 cm, đầu mỏ lết rộng 05 cm; 01 (một) con dao có chuôi gỗ phần lưỡi dao đã han rỉ có tổng chiều dài 40 cm, phần lưỡi dao có chiều dài 21 cm bản rộng 07 cm.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06 tháng 5 năm 2021).

5. Án phí: Các bị cáo Phan Đức N, Mã Văn D, Đỗ Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đỗ Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền án phí bị cáo Đỗ Văn B phải chịu là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHSCA h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ CA h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Huyền